

→ **After finishing** his homework, Peter went to bed. (Sau khi hoàn thành xong)

→ **After having finished** his homework, Peter went to bed. (Sau khi đã hoàn thành xong)

→ **Finishing** his homework, Peter went to bed. (hoàn thành xong)

- ✓ **Because, since, as** (Lý do) bỏ Sub và S đi. Nếu giữ lại **because** □ **because of** (giới từ)

Because she needed some money to buy a book, she cashed the check.

→ **Needing** some money to buy a book, she cashed the check.

→ **Beause of needing** some money to buy a book, she cashed the check.

- ✓ Trong TH: **Dcadv** có dạng **tobe + adj/Noun** → có thể bỏ tobe hoặc chuyển về dạng **being+adj/Noun**.

Because he was unable to buy a car, he bought a motorbike.

→ **Being** unable to buy a car, he bought a motorbike.

→ **Unable** to buy a car, he bought a motorbike.

Because he was late, he drove to work.

→ **Being** late, he drove to work.

While he was a happy man, he had many serious problems.

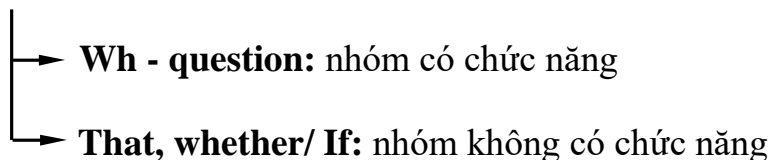
→ **While** happy, he had many serious problems.

Though she was an excellent student, she failed to pass the test.

→ **Though** an excellent student, she failed to pass the test.

Chương 3: Mệnh đề danh ngữ

- **Định nghĩa:** mệnh đề danh ngữ là mệnh đề phụ thuộc có chức năng như một danh từ trong câu, đóng vai trò giống như một danh từ.
- **Vị trí:** Đúng vị trí của N như S, O, bổ ngữ...
- Công thức: **Sub_N + S+ V + (O)**



I. Cách dùng mệnh đề danh ngữ

- ✓ **DCn làm chủ ngữ** (trong trường hợp này động từ chia ngôi thứ 3 số ít)
Where they live is a secret.

How I learn English is very important.

- ✓ **DCn làm tân ngữ của động từ**
*I can buy **what** you want.*

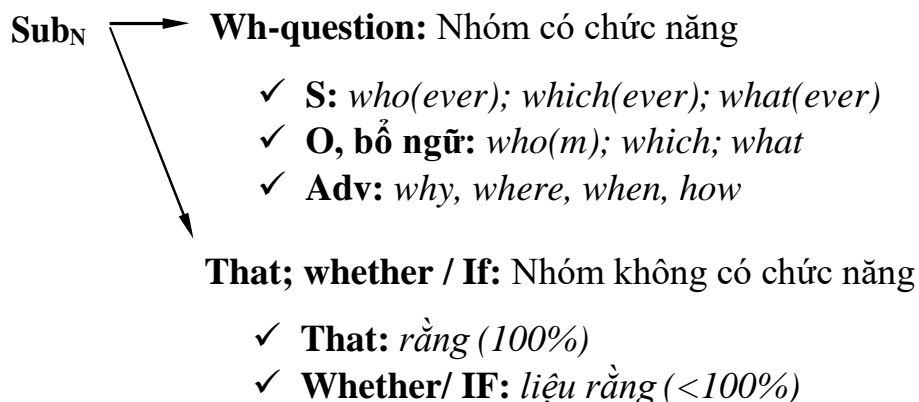
*I think **that** they are wrong.*

- ✓ **DCn làm tân ngữ của giới từ**
The future depends on what you do today.
*I'm thinking about **what** you said.*

- ✓ **DCn làm bổ ngữ**
*The problem is **where** you are now.*

*The question is **how** we can get there.*

II. Subn của DCn



1. Wh-question: SubN có chức năng

- ✓ SubN làm chủ ngữ trong DCn

Who left was my father.

What happened was great.

I know what has happened.

- ✓ SubN làm tân ngữ trong DCn

What you did was wrong.

Who you love is my boyfriend.

- ✓ SubN làm trạng từ trong DCn

I don't know where you are now.

I know why I love him.

2. Whether/ If; That: Nhóm không có chức năng. (Chỉ mang nghĩa đơn thuần Whether/ If: liệu rằng; that: rằng)

2.1. If/ Whether

- ✓ Có thể thêm “or not” vào DCn thành cấu trúc *liệu rằng ... hay không* theo quy tắc sau:
- ✓ Nếu câu sử dụng **If** có thể có **or not** ở cuối câu
- ✓ Nếu câu sử dụng **Whether** có thể thêm **or not** ở cuối câu hoặc ngay sau **whether**.

No one knows if he will be hired (or not).

He asked me whether (or not) I felt good (or not).

- ✓ Ngoài ra: cần chú ý phân biệt *If (liệu rằng... hay không)* trong DCn với *If(nếu)* trong DCadv.

2.2. That

- ✓ **That:** không đóng vai trò là chủ ngữ, tân ngữ hay trạng từ trong DCn chỉ có vai trò là Sub (nói), nghĩa là: *rằng*.

I know that he loves me.

She said (that) the story was interesting.

2.2.1. Câu giả định

- ✓ **That được dùng trong câu giả định (Câu cầu khiến)**
- ✓ **Chức năng:** diễn đạt mong muốn người khác làm một việc gì đấy nhưng người đó làm hay không là tùy, không bắt buộc. (hay nói cách khác là “nên làm gì” không ép buộc như câu mệnh lệnh).
- ✓ Dùng để nhấn mạnh mức độ quan trọng, cấp thiết của vấn đề.
- ✓ Công thức: Dùng với các động từ hoặc tính từ nhất định.
- **Động từ: S + V + that + S + V_{bare-inf}**

- Các động từ hay dùng: *request, ask, demand, insist, advise, recommend, propose, order...*

- **Lưu ý:** Sau danh từ là động từ nguyên thể không to. Nếu thành lập thể phủ định đặt not sau chủ ngữ trong mệnh đề That và trước động từ nguyên thể không to.

*The director **demands that** we **be** on time.*

*I **recommended that** she **not go** to the concert.*

*The doctor **suggested that** his patient **stop** smoking.*

- **Tính từ: It be adj + that + S + V_{bare-inf}**

- Các tính từ hay dùng biểu hiện sự quan trọng, cần thiết, khẩn cấp, bắt buộc: *important, essential, necessary, vital, critical, urgent, imperative, obligatory, mandatory...*

- **Lưu ý:** Động từ sau That vẫn là nguyên thể không To, và thêm phủ định tương tự như trường hợp của động từ.

*It is **necessary that** he **find** the books.*

*It is **important that** he **remember** this question.*

- ✓ **Lưu ý:** Hình thức giả định phổ biến trong **Anh Mỹ** hơn **Anh Anh**. Trong Anh Anh người ta thường sử dụng **should V_{bare-inf}** trong mệnh đề **that**, còn Anh Mỹ thì chỉ sử dụng **V_{bare}**

- **Anh Mỹ:** *The teacher **demands that** we **learn English**.*

- **Anh Anh:** *The teacher **demands that** we **should learn English**.*

2.2.2. Câu ước muốn: Wish

- ✓ **That dùng trong câu ước muốn.**
- ✓ Câu ước là câu diễn tả mong muốn, ước muốn của ai đó về một việc trong tương lai, ở hiện tại hay về một điều trong quá khứ - **điều này chắc chắn không xảy ra.**
*I wish (**that**) I would be a pilot in the future.*

Loại 1	Ước về một điều trong tương lai	S + wish + (that) + S + should/ could/ would + V_{bare-inf}. <i>She wishes (that) she would earn a lot of money next year.</i>
---------------	---------------------------------	---

Loại 2	Ước về một điều trái với hiện tại <i>Lưu ý: tobe luôn chia là were trong câu ước loại 2</i>	S+ wish + (that) + S+ V_{QKD}(Ved/cột 2). <i>She wishes (that) she had enough time to finish the homework.</i> <i>I wish (that) Peter were here now.</i>
Loại 3	Ước trái với một sự thật trong quá khứ	S +wish + (that) + S+ V_{QKHT}(had+ PII). <i>I wish (that) I had washed the clothes yesterday.</i>

✓ **Câu ước wish** diễn tả một điều chắc chắn không xảy ra, còn khi diễn đạt một hành động hoặc tình huống có thể sẽ xảy ra hoặc có thể không xảy ra ta dùng **hope**.
I hope that they will finish their mission. (có thể xảy ra)

I wish that they would finish their mission. (chắc chắn không xảy ra)

✓ Ngoài ra: thì của mệnh đề sau **hope** (hi vọng rằng) có thể chia ở bất kỳ thời nào.
III. Mệnh đề danh ngữ gián lược

✓ Mục đích gián lược: làm cho câu văn trở nên ngắn gọn và súc tích hơn.

✓ Giản lược về To V. Điều kiện S₁=S₂

✓ Cấu trúc chung: S₁ + V + Wh (what, when, where...) + S₂ + V
→ S + V + Wh (what, when, where...) + to V_{inf}

I don't know what I should do.

→ *I don't know what to do.*

I'd like to know how I can help.

→ *I'd like to know how to help.*

She wonderd how she could learn English better.

→ *She wonderd how to learn English better.*

TỔNG QUAN MỆNH ĐỀ

DC adj ~ adj; DC adv ~ adv; DC N ~ N

Câu chứa DC: là câu phức, hoặc câu phức ghép.

Content	Dcadj	DCadv	DCN
Ví dụ	The girl who loves Mr.Tom is very beautiful.	I loved you when I was 20 years old.	I know what you did.
Chức năng	~ adj: bổ nghĩa cho N.	~ adv: bổ nghĩa cho V, adj, adv.	~ N: chức năng làm S, O, bổ ngữ.
Vị trí	<ul style="list-style-type: none"> - Sau N bổ nghĩa, gần nhất có thể. - Nđbn xác định → có “,” - Nđbn không xác định → không “,” 	<ul style="list-style-type: none"> - DCadv, IC. - IC DCadv. <p>(trước phẩy sau không)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Vị trí của S,O... - Không có dấu ngăn.
Sub	<ul style="list-style-type: none"> - ĐTQH: who, whom, whose, which, that, - TTQH: when, where, why - Cách dùng Sub: hỏi 2 câu hỏi: thay thế, chức năng? 	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: when, before, after... - Nơi chốn: where, wherever... - Lý do: Because... - Cách dùng: Chỉ cần biết nghĩa của Sub 	<ul style="list-style-type: none"> - Wh –question (có chức năng) - That; If/whether (không có chức năng) - Cách dùng: Chỉ cần biết nghĩa của Sub

PHẦN II

BÀI TẬP ÁP DỤNG

1. BÀI TẬP TỪ LOẠI

1.1. Bảng phân biệt từ loại theo đuôi (hậu tố)

Loại từ	Đuôi	Ví dụ	Lưu ý
N	tion sion ment ce ness y/ty er/or/ee ist ...	nation, education question, television environment, movement difference, attendance kindness, friendliness beauty, army, responsibility worker, visitor, employee guitarist, artist	
ADJ	al ful ive able/ible ous ic ant thy ing/ed ...	national, cultural beautiful, careful active, attractive comfortable, miserable, accessible serious, famous specific, economic important, pleasant healthy, lengthy interesting/ interested	- Ngoại lệ: representative (n,adj) objective (n,adj) initiative (n,adj) alternative (n,adj) - V + al = N Propose (v) → proposal (n) Approve (v) → approval (n) Remove (v) → removal (n)
V	ize ate en fy	recognize, advise participate, graduate widen qualify	Ngoại lệ: appropriate (v, adj) candidate (N)
ADV	ly	ADV= ADJ+ly Beautifully Carefully Certainly	- ADV BQT hard (adj) → hard (adv) fast (adj) → fast (adv) good (adj) → well (adv) - Adj có sẵn ly timely (adj), likely (adj), costly (adj) - đuôi ly là adj và adv daily, weekly, monthly, yearly

1.2. Bài tập áp dụng từ loại: N, Adj, V, Adv

1. With the Gema XTI binoculars, users can _____ see objects that are more than 100 meters away.
(A) ease
(B) easy
(C) easily
(D) easier
2. The team's contribution, to the Ripton Group's marketing plan were very _____ acknowledged.
(A) favor
(B) favorably
(C) favorable
(D) favored
3. The Ferrera Museum plans to exhibit a collection of Lucia Almeida's most _____ sculptures.
(A) innovative
(B) innovation
(C) innovatively
(D) innovate
4. The Southeast Asia Business Convention will feature _____ known and respected leaders from countries across the region.
(A) widen
(B) wider
(C) widely
(D) wide
5. We congratulate all Riverside employees, whose _____ effort has resulted in a 20 percent reduction in waste disposal costs.
(A) collect
(B) collective
(C) collects
(D) collector
6. The registration fee is _____ refundable up to two weeks prior to the conference date.
(A) fullest
(B) fuller
(C) fully
(D) full
7. Restaurants in Rondale must follow all _____ health guidelines.
(A) local
(B) locals
(C) locally
(D) localize
8. A _____ way to support economic growth in Ludlow City is to shop at area businesses.
(A) practice
(B) practicing
(C) practical
(D) practically
9. Before work can begin at the construction site, the _____ permit applications must be processed.
(A) relevant
(B) relevantly
(C) relevance
(D) relevancies
10. Supervisors will not _____ approve time off for employees during peak operational months.
(A) generalization
(B) generalize
(C) generally
(D) general
11. Providing precision welding to a _____ array of industries, Mistone Metalworks recently celebrated a century of service in Quebec.
(A) widely
(B) widen
(C) width
(D) wide
12. Sewerd Furnishings is closing some of its showrooms because customers are _____ ordering furniture online.
(A) increasing
(B) increase
(C) increasingly
(D) increased

13. Inclement weather was _____ responsible for the low turnout at Saturday's Exton Music Festival.

- (A) largely
- (B) large
- (C) largest
- (D) larger

14. Main street Restaurant offers a menu of _____ prepared lunch and dinner meals.

- (A) thought
- (B) thoughtfulness
- (C) thoughts
- (D) thoughtfully

15. Milante Shoes _____ altered the firm's marketing strategy after a recent economic shift.

- (A) quick
- (B) quickest
- (C) quickly
- (D) quicken

16. Hasin Fariz turned a study on the _____ effects of sleep into a best-selling book.

- (A) favorable
- (B) favor
- (C) favors
- (D) favorably

17. Marina Hou _____ considered becoming an actor before deciding to write plays instead.

- (A) briefly
- (B) briefs
- (C) briefing
- (D) briefed

18. Walter Keegan was _____ hired as a salesperson, but he soon became head of the marketing department.

- (A) originality
- (B) original
- (C) originals
- (D) originally

19. We made a _____ estimate of how many tourists to expect in the coming month.

- (A) conservative
- (B) conservation
- (C) conservatism
- (D) conservatively

20. The Merrick Travel Agency organizes tours of national monuments and other _____ sites in the St.Petersburg area.

- (A) historian
- (B) historic
- (C) historically
- (D) histories

21. Thank you for being one of Danton Transportation's most _____ customers over the past ten years.

- (A) valuation
- (B) valued
- (C) value
- (D) values

22. Computerization of medical records _____ increases a physician's ability to diagnose and treat patients.

- (A) great
- (B) greatly
- (C) greatness
- (D) greatest

23. The Cullingford Bridge took a _____ short amount of time to be repaired.

- (A) surprise
- (B) surprisingly
- (C) surprising
- (D) surprised

24. Yields from your garden will _____ rise as you add Natrium Compost to the soil.

- (A) steady
- (B) steadying
- (C) steadily
- (D) steadier

25. Matos Realty has developed two _____ methods of identifying undervalued properties.
(A) different
(B) differently
(C) difference
(D) differences
26. According to experts, Flash Maxe dishwashing detergent consistently delivers _____ results.
(A) exceptionally
(B) exceptional
(C) exception
(D) exceptions
27. Roxy Koenig is _____ seeking a new venue for her summer concert since the Hazelton Music Hall is being renovated.
(A) actively
(B) activity
(C) active
(D) activate
28. All shelves in the holiday merchandise section need to remain _____ stocked.
(A) full
(B) fully
(C) fuller
(D) fullest
29. The initial response to the beta version of the software allows us to be _____ optimistic about future product sales.
(A) fairness
(B) fairest
(C) fairly
(D) fair
30. Professor Reginald Layke's proposal for an additional course in business management was approved in a _____ short time.
(A) surprised
(B) surprise
(C) surprisingly
(D) surprising
31. At Correia Electronics, we are _____ researching appliance technology.
(A) continual
(B) continues
(C) continue
(D) continually
32. Mesmio, provider of premium television content, welcomes _____ ideas for improving our service.
(A) specifics
(B) specifies
(C) specific
(D) specify
33. The conclusions from our analysis turned out to be _____ applicable to the budget problem.
(A) directing
(B) directly
(C) directs
(D) direct
34. Mr. Ashburton has been _____ recommended by all three of his references.
(A) high
(B) higher
(C) highly
(D) highest
35. *The National Overview* is the fourth _____ distributed newspaper in the northeastern region.
(A) wide
(B) widen
(C) most widely
(D) more widely
36. Mr. Hong will outline the procedures for handling customers' _____ information.
(A) confiding
(B) confides
(C) confidential
(D) confidentially

1.3. Bài tập Danh động từ, Động tính từ

Danh động từ: V-ing sau prep (Lưu ý: To V không sau prep)

1. Who is responsible for _____ the dishes tonight?
(A) do
(B) to do
(C) doing
(D) will do
2. Thank you for _____ my question.
(A) answer
(B) answers
(C) answering
(D) to answer
3. You can make a reservation by _____ the hotel.
(A) call
(B) to call
(C) calling
(D) calls
4. She first caught the attention of peers by _____ the school-wide talent show.
(A) have won
(B) to win
(C) won
(D) winning
5. He earned four major awards for _____ the software while studying in college.
(A) develop
(B) developing
(C) developed
(D) to develop
6. Many employees in the office are interested in _____ medical checkups.
(A) get
(B) getting
(C) got
(D) to get

Danh động từ: V-ing / To V làm S → V số ít

7. Speaking English well _____ you get a good job.
(A) help
(B) helps
(C) helping
(D) to help
8. Working overtime _____ sometimes unnecessary.
(A) is
(B) to be
(C) be
(D) are
9. Testing a new device _____ always fun.
(A) is
(B) to be
(C) are
(D) be
10. To recruit good employees _____ not easy.
(A) are
(B) to be
(C) is
(D) be

Danh động từ: Ving / To V làm O

Ving/to V dùng như Danh từ (Danh động từ) đóng vai trò là tân ngữ của động từ chính.

- **V + Ving:** enjoy, mind, consider, finish, deny, avoid, risk, keep, practice, suggest, admit, miss, postpone, recommend...

She enjoys playing tennis.

We are considering going to Canada.

He hasn't finished speaking.

- **V + To V:** want, plan, hope, fail, refuse, propose, expect, afford, wish, offer, need, agree, manage, ask, decide, promise,...

I want to speak English.

I plan to learn English at SEC.

We agreed to meet on Thursday.

- **Ngoài ra:** Một vài động từ theo sau cả **Ving/ To V** nhưng nghĩa sẽ khác nhau:

Stop V-ing: dừng làm gì (dừng hẳn)

Stop smoking (dừng hút thuốc)

Stop to V: dừng lại để làm việc gì

Stop to smoke (dừng lại để hút thuốc)

Try V-ing: thử làm gì

Try unlocking the door with this key. (thử mở cửa với chìa khóa)

Try to V: cố gắng làm gì

I try to pass the exam. (Tôi cố gắng vượt qua kì thi)

Remember/ forget/ regret V-ing: nhớ/ quên/ tiếc đã làm gì (ở quá khứ)

I don't remember meeting Susan before.

(Tôi không nhớ gặp Susan trước đây)

Remember/ forget/ regret to V: nhớ/ quên/ tiếc sẽ phải làm gì (ở hiện tại – tương lai)

Remember to send this letter to me.

(Hãy nhớ gửi bức thư này cho tôi)

11. The manager wanted ____ three applicants.

- (A) to interview
- (B) interviews
- (C) interviewing
- (D) interviewed

13. I plan _____ a computer so that I can master some new software programs.

- (A) to buy
- (B) buys
- (C) bought
- (D) buying

12. The council decided ____ a list of smaller improvement projects that could be done with the leftover funds.

- (A) compile
- (B) compiling
- (C) to compile
- (D) compiles

14. The accounting team has finished ____ up the proposal.

- (A) writing
- (B) wrote
- (C) write
- (D) to write

15. They postponed _____ a new branch in San Diego.

- (A) open
- (B) opening
- (C) opens
- (D) to open

16. All of the employees enjoyed _____ in the seminar.

- (A) participate
- (B) participating
- (C) to participate
- (D) participated

Động tính từ: Ving/Ved ~ Adj

Ving - mang nghĩa Chủ động; Ved - mang nghĩa Bị động

17. Because of a previously _____ appointment, I was unable to attend the council meeting.

- (A) scheduled
- (B) scheduling
- (C) schedule
- (D) be scheduled

21. The public address systems at the _____ subway stations are scheduled to be refurbished.

- (A) selecting
- (B) to select
- (C) selected
- (D) selects

18. I bought my _____ machine 4 months ago for use at my bed and breakfast inn.

- (A) washing
- (B) washer
- (C) washed
- (D) to wash

22. Mentees will work with _____ mentors on their work assignment.

- (A) assigning
- (B) be assigned
- (C) assigned
- (D) assigns

19. The main issue with my machine has been an _____ sound.

- (A) annoying
- (B) annoyed
- (C) annoy
- (D) to annoy

23. To be considered for participation in this initiative, complete the _____ application and return to the director.

- (A) attached
- (B) attaching
- (C) to attach
- (D) attach

20. The _____ weather condition is the main reason why our game was canceled.

- (A) worsen
- (B) worsened
- (C) worsening
- (D) to worsen

24. _____ tickets are available for groups of ten or more.

- (A) Discounts
- (B) Discounted
- (C) Discounting
- (D) To be discounted

25. Our new _____ signs will be more reflective and easier to read.

- (A) designs
- (B) designed
- (C) to design
- (D) designing

26. The film was too _____. I expected it to be better.

- (A) disappointed
- (B) disappointing
- (C) disappointment
- (D) disappoints

27. The audience was _____ about the performance.

- (A) excited
- (B) exciting
- (C) to excite
- (D) excites

28. Main street Restaurant offers a menu of thoughtfully _____ lunch and dinner meals.

- (A) prepared
- (B) to prepare
- (C) preparing
- (D) prepares

29. The construction project managers must present their _____ reports to the board by the end of the month.

- (A) revision
- (B) revise
- (C) revising
- (D) revised

30. The Southeast Asia Business Convention will feature widely known and _____ leaders from countries across the region.

- (A) respected
- (B) respect
- (C) to respect
- (D) respecting

Ngoài ra: còn có những cặp động tính từ hay gặp:

Interested - interesting

Tired - tiring

Frightened - frightening

Surprised - surprising

Mused - amusing

Excited - exciting

Amazed - amazing

Shocked - shocking

Exhausted - exhausting

Bored - boring

Disappointed - disappointing

Frustrated - frustrating

Annoyed - annoying

1.4 Bài tập tổng hợp Part 5, 6 (phần 1)

1. The contract _____ states that the tenants must renew their rental-property agreement by March 1.
(A) clear
(B) clearly
(C) clearer
(D) cleared
2. Ancient Chitimacha baskets are _____ featured in the Louisiana Museum of Archeology.
(A) prominent
(B) prominently
(C) prominence
(D) prominences
3. The software is easy to learn and _____ increases employee productivity.
(A) great
(B) greater
(C) greatly
(D) greatness
4. A new musical production is holding auditions for _____ singers next Saturday at the Grovetown Theater.
(A) experience
(B) to experience
(C) experiences
(D) experienced
5. The partnership was formed _____ to help both the Tilano Group and Estin Electronics reach beyond their traditional markets.
(A) specifying
(B) specifically
(C) specific
(D) specify
6. The _____ course on coaching is taught by Lee Wallis of the Peyton Soccer Club.
(A) introducer
(B) introduce
(C) introducing
(D) introductory
7. To satisfy different tastes, we strive to offer a _____ assortment of brands.
(A) broad
(B) broadly
(C) boarden
(D) broadness
8. Renters are most excited about the _____ kitchens in the upgraded units.
(A) renovated
(B) renovation
(C) renovate
(D) renovating
9. Poet Yoshino Nagao will read from her latest _____ collection at Argyle Library on Friday.
(A) publisher
(B) publish
(C) published
(D) publishes
10. Musitto, Inc., has been producing cutting-edge phones with _____ long battery - run times.
(A) has increased
(B) increases
(C) increased
(D) increasingly
11. The Tetra Corporation complies with all local and national _____.
(A) regulate
(B) regulated
(C) regulatory
(D) regulations
12. Building management _____ asks employees to avoid socializing in the lobby.
(A) respects
(B) respected
(C) respectful
(D) respectfully

13. Museum members are invited to preview the historic portraits before the _____ opening of the exhibit on April 7.

- (A) constant
- (B) official
- (C) competent
- (D) natural

14. The Southwell guide discusses the most _____ ways to train yourself to be a great salesperson.

- (A) effective
- (B) reluctant
- (C) concerned
- (D) contained

15. Visitors to Kamke Manufacturing must _____ a security pass from the receptionist at the main entrance.

- (A) catch up
- (B) take after
- (C) pick up
- (D) call on

16. The factory is _____ located near the train station.

- (A) regularly
- (B) conveniently
- (C) brightly
- (D) collectively

17. Oaza Electronics worked _____ with our team to facilitate the development of the computerized training system.

- (A) hardly
- (B) nearly
- (C) closely
- (D) relatively

18. The _____ technology used in pots by Claypool Housewares keeps the handles from getting too hot to touch.

- (A) warm
- (B) frequent
- (C) unattached
- (D) innovative

19. Gelden Petrochemical exports products to customers _____ the world.

- (A) all
- (B) many
- (C) around
- (D) except

20. Most of the morning _____ will take place on the second floor, near the conference registration desk.

- (A) sessions
- (B) conditions
- (C) requests
- (D) speakers

1.5. Bài tập tổng hợp Part 5, 6 (phần 2)

1. Robert Lunn is one of the most _____ leaders in the import - export business.
 (A) persuasive
 (B) persuade
 (C) persuasively
 (D) persuades
2. Retailers have been reporting _____ strong sales of swimwear for this time of year.
 (A) surprised
 (B) surprises
 (C) to surprise
 (D) surprisingly
3. Because of an ordering error, Vival Market received an _____ of 200 bags of rice.
 (A) exceeding
 (B) exceedingly
 (C) excess
 (D) excessive
4. The price quoted by the movers is only an _____ cost and is subject to change.
 (A) approximately
 (B) approximate
 (C) approximating
 (D) approximation
5. Mr. Mehretu will discuss the _____ of the new payroll policy at the company meeting tomorrow.
 (A) specifics
 (B) specifically
 (C) specifies
 (D) specific
6. Participants arriving late are asked to enter the training seminar _____.
 (A) quiet
 (B) quieting
 (C) quieter
 (D) quietly
7. The university's vision is to increase graduates' _____ in the global workplace.
 (A) succeed
 (B) successful
 (C) successfully
 (D) success
8. The inspector will ensure that all newly _____ buildings comply with applicable codes and regulations.
 (A) constructing
 (B) construct
 (C) constructed
 (D) constructive
9. At Reyo Foods, we know that a healthy diet is _____ important to consumers.
 (A) increase
 (B) increases
 (C) increased
 (D) increasingly
10. Dr. Abraham Lowery raised his national visibility with his _____ on last year's Medical Association panel.
 (A) participated
 (B) participate
 (C) participation
 (D) participatory
11. Tsutomu Motohashi holds the company record for the highest sales figures in a _____ year.
 (A) single
 (B) singled
 (C) singles
 (D) singling
12. Among her many _____ achievements, Dr. Ahn wrote sixteen books and served as editor for three major journals.
 (A) remarkable
 (B) remarkably
 (C) remarked
 (D) remarking
13. As part of the writing workshop, participants will read their compositions _____ to the group.
 (A) throughout
 (B) aloud
 (C) meanwhile
 (D) significantly
14. Compared with other dairy products, yogurt has remained _____ inexpensive.
 (A) thoroughly
 (B) relatively
 (C) early
 (D) minimally

15. To keep an independent contracting license, Ms. Ato must _____ the correct paperwork annually.
(A) file
(B) conduct
(C) announce
(D) transform
16. This month, Mr. Choi has excelled at _____ processing incoming orders.
(A) typically
(B) tightly
(C) quickly
(D) lately
17. Former seasonal employees seeking to be rehired must _____ a new application.
(A) observe
(B) submit
(C) familiarize
(D) inform
18. Please _____ that environmental inspectors must renew their certification yearly.
(A) proceed
(B) secure
(C) note
(D) keep
19. Mr. Yamamoto's farewell party was _____ in the cafeteria on Tuesday.
(A) meant
(B) held
(C) taken
(D) built
20. Over the years, Garnet Advertising has _____ supported its employees' volunteer work for charitable organizations.
(A) currently
(B) upwardly
(C) severely
(D) actively

2. BÀI TẬP MỆNH ĐỀ**2.1. MỆNH ĐỀ TÍNH NGỮ**

1. People _____ signed up for the program yesterday got a 5% discount.
(A) who
(B) what
(C) whom
(D) which
2. The company _____ sells kids' toys increased its productivity
(A) whom
(B) which
(C) who
(D) what
3. The people _____ names are on the list will receive incentives.
(A) who
(B) whose
(C) also
(D) that
4. The exhibition _____ we visited yesterday was very interesting.
(A) who
(B) whom
(C) that
(D) whose
5. Anyone _____ wants to take a vacation this month needs to talk to me today.
(A) which
(B) whom
(C) who
(D) whose
6. Mr. Delaney met the person _____ she recommended for the managerial position.
(A) what
(B) which
(C) whom
(D) why
7. This manual is for people _____ native language is not English.
(A) whose
(B) whom
(C) that
(D) what
8. The specialist _____ we just met will be the manager of our team.
(A) what
(B) whose
(C) whom
(D) when
9. The decision _____ the company made will cause a lot of problems.
(A) whose
(B) who
(C) what
(D) that
10. This website is good for people _____ are thinking about renting a house.
(A) they
(B) who
(C) whom
(D) them
11. I met the representative _____ Mr. Reeves talked about.
(A) that
(B) which
(C) whom
(D) how
12. The TV program _____ you recommended was full of inappropriate language.
(A) that
(B) whose
(C) who
(D) of which
13. Any person _____ would like to get a refund should present the original receipt
(A) who
(B) whom
(C) which
(D) whose
14. We are going to meet the candidate _____ got the highest score in person.
(A) whom
(B) which
(C) whose
(D) who